TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21-7-2020
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Kim Loan;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tấn;

2. Bà Nguyễn Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Nương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Bà Trần Phi Phi - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2020/TLST-HNGĐ ngày 14-01-2020 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16-6-2020 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 59/2020/QĐST- DS ngày 04-7-2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Vui T, sinh năm: 1987; địa chỉ: Tổ 21 (nay là tổ 6), phường T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

Bị đơn: Anh Trương Q, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 21 (nay là tổ 6), phường T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13-01-2020, trong quá trình giải quyết vụ án, chị Ngô Thị Vui T trình bày: Chị Ngô Thị Vui T và anh Trương Q tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi vào năm 2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị Ngô Thị Vui T và anh Trương Q chung sống hạnh phúc được một thời gian. Sau

đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Q đam mê cờ bạc, số đề, đánh đập chị T, thiếu trách nhiệm với vợ con, vợ chồng không thống nhất quan điểm về cách giáo dục, nuôi dạy con, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã với nhau, chị T đã khuyên nhủ anh Q nhiều lần nhưng anh Q không thay đổi tính tình. Hiện nay vợ chồng không có khả năng đoàn tụ, tình trạng mâu thuẫn đã trầm trọng. Nay, chị Ngô Thị Vui T xin ly hôn với anh Trương Q.

- Về con chung: Chị T và anh Q có 02 con chung là Trương Bá V, sinh ngày: 25/5/2011 và Trương Kiều Như N, sinh ngày: 25/2/2013. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng nuôi hai con chung, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, về nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trương Q trình bày:

Anh Trương Q thống nhất với trình bày của chị Ngô Thị Vui T về quan hệ hôn nhân và đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng có lời qua tiếng lại, mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống vì công việc của anh Q không thuận lợi nên vợ chồng bất đồng về kinh tế, tiền bạc, mọi việc chăm sóc con cái một mình chị T chăm lo nên anh và chị T có cãi vã, bản thân anh Q nhận thấy vẫn có thiếu sót với vợ con, có thời gian vẫn ham chơi nhưng anh Q vẫn còn thương vợ con nên anh Q không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh Q và chị T có 02 con chung là Trương Bá V, sinh ngày: 25/5/2011 và Trương Kiều Như N, sinh ngày: 25/2/2013. Anh Q không đồng ý ly hôn. Trường hợp chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn và Tòa án chấp nhận theo yêu cầu ly hôn của chị T, anh Q đồng ý giao hai con chung là Trương Bá V, sinh ngày: 25/5/2011 và Trương Kiều Như N, sinh ngày: 25/2/2013 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000đồng cho mỗi con cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị Vui T. Về con chung: Giao cháu Trương Bá V, sinh ngày: 25/5/2011 và cháu Trương Kiều Như N, sinh ngày: 25/2/2013 cho chị Ngô Thị Vui T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh Trương Q. Mỗi tháng anh Trương Q cấp dưỡng nuôi cháu Trương Bá V 2.500.000đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) và cấp dưỡng nuôi cháu Trương Kiều Như N mỗi tháng 2.500.000đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng), cho đến khi cháu V, cháu N đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ngô Thị Vui T và anh Trương Q

đều trình bày không có. Về án phí: Chị Ngô Thị Vui T phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, anh Trương Q phải chịu án phí về phần cấp dưỡng nuôi con 300.000đồng nhưng chị T tự nguyện nộp thay cho anh Q, tổng cộng chị T phải nộp 600.000đồng, khấu được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp. Chị Ngô Thị Vui T còn phải nộp tiếp 300.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn anh Trương Q có nơi cư trú hiện nay tại tổ 6 (tổ 21 cũ), phường T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi được quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Trương Q đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Q.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2009, chị Ngô Thị Vui T và anh Trương Q tự nguyện tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi nên quan hệ hôn nhân giữa chị Ngô Thị Vui T và anh Trương Q là hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa, chị Ngô Thị Vui T vẫn giữ nguyên ý kiến yêu cầu ly hôn với anh Trương Q. Chị Ngô Thị Vui T và anh Trương Q trình bày khác nhau về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn nhưng đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có sự quan tâm chia sẽ với nhau trong đời sống vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để động viên chị T và anh Q hàn gắn tình cảm nhưng chị T vẫn kiên quyết ly hôn. Do đó, có căn cứ để xác định mâu thuẫn giữa chị T và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Vui T, chị Ngô Thị Vui T được ly hôn với anh Trương Q.

[3.2] Về con chung:

Chị Ngô Thị Vui T và anh Trương Q có 02 con chung là Trương Bá V, sinh ngày: 25/5/2011 và Trương Kiều Như N, sinh ngày: 25/2/2013. Hiện nay, cháu V, cháu N đang sống cùng với chị T. Chị T xin nuôi 02 con, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng. Cháu V, cháu N có nguyện vọng sống với chị T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Q trình bày: Trường hợp chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn và được Tòa án chấp nhận, anh Q đồng ý giao cháu Trương Bá V, cháu Trương Kiều Như N cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000đồng cho mỗi con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa, chị T đồng ý với sự tự nguyện của anh Q về cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu V, cháu N, áp dụng Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Trương Bá V, sinh ngày: 25/5/2011 và cháu Trương Kiều Như N, sinh ngày: 25/2/2013 cho chị Ngô Thị Vui T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh Trương Q. Mỗi tháng anh Trương Q cấp dưỡng nuôi cháu Trương Bá V 2.500.000đồng và cấp dưỡng nuôi cháu Trương Kiều Như N mỗi tháng 2.500.000đồng, cho đến khi cháu V, cháu N đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con từ ngày 21-7-2020.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ngô Thị Vui T và anh Trương Q đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị Ngô Thị Vui T phải nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, anh Trương Q phải chịu án phí về phần cấp dưỡng nuôi con 300.000đồng nhưng chị T tự nguyện nộp thay cho anh Q, tổng cộng chị T phải nộp 600.000đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0003230 ngày 14-01-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Chị Ngô Thị Vui T còn phải nộp tiếp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị Vui T. Chị Ngô Thị Vui T được ly hôn với anh Trương Q.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Bá V, sinh ngày: 25/5/2011 và cháu Trương Kiều Như N, sinh ngày: 25/2/2013 cho chị Ngô Thị Vui T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh Trương Q. Mỗi tháng anh Trương Q cấp dưỡng nuôi cháu Trương Bá V 2.500.000đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) và cấp dưỡng nuôi cháu Trương Kiều Như N mỗi tháng 2.500.000đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng), cho đến khi cháu V, cháu N đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con từ ngày 21-7-2020.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ngô Thị Vui T và anh Trương Q đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Chị Ngô Thị Vui T phải nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, anh Trương Q phải chịu án phí về phần cấp dưỡng nuôi con 300.000đồng nhưng chị T tự nguyện nộp thay cho anh Q, tổng cộng chị T phải nộp 600.000đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0003230 ngày 14-01-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Chị Ngô Thị Vui T còn phải nộp tiếp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng).

5. Nguyên đơn chị Ngô Thị Vui T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn anh Trương Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- UBND phường T; Tp.Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Kim Loan